

# MỘC BẢN TRIỀU NGUYỄN NGUỒN TÀI LIỆU LƯU TRỮ ĐẶC BIỆT QUÝ HIẾM

■ TS. PHAN ĐÌNH NHAM (\*)

Như chúng ta đã biết, nguồn sử liệu phục vụ cho các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội hiện nay bao gồm các loại như: sử liệu vật thật; sử liệu văn tự (chữ viết); sử liệu phim điện ảnh, ảnh, ghi âm; sử liệu truyền miệng; sử liệu dân tộc học và sử liệu ngôn ngữ học. Trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam ta, các nguồn sử liệu nêu trên đã được ghi lại trên các vật mang tin khác nhau (giấy, vải, gỗ, mai rùa, xương súc vật, da động vật, kim loại dát mỏng, đá, lá thốt nốt, thanh tre, nứa...) và vật ghi tin (các loại mực, loại màu, các loại bút chì, bút mực, bút vẽ, bút lông, các loại phấn, ru băng đánh máy, máy in laser...) đã thể hiện trung thực, súc tích và phong phú nội dung đó bằng các loại chữ viết như: Tiên Hán (chữ viết của người Việt cổ), Hán, Hán Nôm, Nôm, Pháp, Anh, Quốc ngữ. Triều Nguyễn (1802-1945) sử dụng chủ yếu là văn bản chữ Hán và chữ Nôm trong điều hành và quản lý nhà nước. Và với Hán học, chữ Hán đã đóng vai trò chuyên chở tri thức Nho, Lão, Phật giáo(1). Văn bản triều Nguyễn có các tên gọi như: Luật, chiếu, lệ, lệnh, sắc, chỉ, dụ, cáo, sách, hịch, biểu, sớ, điều trần, tấu, đề, khải, giấy thông hành, các loại công văn trao đổi, các văn bản của Hội đồng đình thần, phiếu nghị... Pôn-Bu-đề, Giám đốc Nha lưu trữ và Thư viện Đông Dương cho biết: đến năm 1942, nơi đây vẫn còn bảo quản 12.000 số sách các loại(2).

Ngành Văn thư và Lưu trữ Việt Nam có nhiệm vụ thu thập, bổ sung, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các nguồn sử liệu kể trên.

1. Mộc bản (ván khắc, ván in) là các bản gỗ khắc chữ ngược để in sách, văn bản từ Triều

Nguyễn trở về trước. Năm Gia Long thứ 9 (1810), nhà Nguyễn cho soạn thảo bộ Hoàng Việt luật lệ và cho khắc in, ban hành năm Gia Long thứ 12 (1813), còn gọi là Luật Gia Long. Năm Minh Mạng thứ 2 cho lập Quốc sử quán để biên soạn Quốc sử, thực lục các triều vua và sách chuyên khảo. Các văn bản thời kỳ phong kiến triều Nguyễn trình lên vua đều phải làm thành ba bản (một bản chính và hai bản phó); sau khi "ngự phê" bằng mực son màu đỏ (châu phê, châu điểm, châu khuyên, châu mat) của vua gọi là châu bản. Có thể coi châu bản là Văn thư Lưu trữ của vương triều Nguyễn(3). Châu bản giao cho Nội các (thời Minh Mạng năm 1829 Văn thư phòng cải tổ thành Nội các) để sao chép lời "ngự phê" vào hai phó bản; một phó bản giao cho Quốc sử quán để làm tài liệu biên soạn các sách, còn một phó bản chuyển cho bộ có liên quan để thi hành và lưu chiếu. Bản thảo sách sau khi biên soạn xong, được chép "tinh tả" y như nguyên bản, kèm theo biểu dâng sách tiến trình Hoàng đế "ngự lãm". Vua phê duyệt xong, bản thảo được giao cho thợ khắc in (khắc chữ ngược) lên những tấm gỗ (mộc bản) để dập bản (in) nhiều bản trên loại giấy bản (chữ đọc xuôi bình thường). Mộc bản sau khi in xong được đưa vào bảo quản ở Tàng bản đường trong Quốc sử quán. Gỗ làm mộc bản thường dùng là gỗ mít hoặc gỗ thị do có độ bền và độ mịn cao. Văn bản khắc in mộc bản hầu hết là sử dụng chữ Hán Nôm. Vật mang tin bằng gỗ (mộc bản) theo thông tin chúng tôi nắm được, không chỉ có riêng ở Việt Nam mà hiện còn được lưu giữ ở một số các quốc gia khác ở vùng châu Á và Đông Nam Á. Trong các nhà chùa miền Bắc Việt Nam cũng có mộc bản khắc in nội dung các Kinh Phật. Châu bản, địa bạ, mộc bản và sách ngự lãm có quan hệ mật thiết,

(\*) Nguyên Giám đốc Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

bổ sung cho nhau trong quá trình quản lý, sử dụng nguồn tài liệu lưu trữ thời triều Nguyễn(4).

2. Thực hiện Đề án “Cấp cứu tài liệu châu bản và mộc bản” do Chính phủ phê duyệt và Cục Lưu trữ Nhà nước giao; Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II (TTLTQG II) đã tiến hành kiểm kê, dập bản, phân loại, hệ thống hóa, ứng dụng công nghệ thông tin bằng quét và ghi toàn bộ 55.318 mặt khắc nguồn tài liệu mộc bản vào đĩa CD-Rom để bảo hiểm và phục vụ mục đích nghiên cứu sử dụng.

Hiện nay, bằng máy vi tính, tài liệu mộc bản đã in dập trên giấy bản không những cho phép tra cứu xuyên suốt toàn bộ khối tài liệu theo những tiêu chí khác nhau như: vấn đề, tên tác giả, tác phẩm, niên lịch, mẫu tự.v.v... mà còn có thể đọc trong phạm vi từng bộ sách, từng quyển sách, từ phần mô tả, phần dàn trang, mục lục từng quyển cho tới một trang ảnh mộc bản bất kỳ, và nếu có nhu cầu sao in thì in được ngay trang tài liệu đó.

Mộc bản triều Nguyễn, sau khi đã phân loại sắp xếp có 152 đầu sách, gồm 3 nhóm chính như sau:

- Các chính sử triều Nguyễn gồm các sách Khâm định, Thực lục, Chính yếu.
- Các tác phẩm văn chương chính thống của triều Nguyễn gồm các Ngự chế văn, Ngự chế thi và các tác phẩm Thánh chế của các Hoàng đế triều Nguyễn.
- Các tác phẩm kinh điển của nhà nho, các sách dùng để dạy và học thời bấy giờ như: Tứ thư Ngũ kinh, Bội văn vận phủ, Ngự phê lịch đại thông giám tập lãm, Tông chính di quy, Giáo nữ di quy...

3. Sách “Mộc bản triều Nguyễn - Đề mục tổng quan”, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội, năm 2004, 774 trang do T.S Dương Văn Khảm - Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước chịu trách nhiệm công bố; T.S Phan Đình Nham - Giám đốc TTLTQG II, chủ biên. Sách này là hình thức công bố giới thiệu

tài liệu lưu trữ để phục vụ cho xã hội và là một loại công cụ tra cứu khoa học thuộc phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam. Hiện sách này đã có ở các thư viện lớn, các trung tâm lưu trữ quốc gia, trung tâm lưu trữ nhà nước địa phương, các viện nghiên cứu khoa học, một số cán bộ lãnh đạo và nhà nghiên cứu khoa học... Mộc bản triều Nguyễn hiện còn lưu giữ rất ít ỏi so với số lượng mộc bản thực có trong lịch sử. Sách giới thiệu từ 55.318 mặt khắc mộc bản thành 55.318 trang dập bản (chữ Hán in xuôi trên giấy bản) được xếp theo tên loại, số lượng trang còn lại, khổ in, ngôn ngữ, tác giả, nội dung của từng quyển cụ thể. Bố cục nội dung của quyển sách như sau:

- “Lời giới thiệu
- Mục lục
- Lời nói đầu
- Đề mục chính
- Phần I. Lịch sử
- Phần II. Địa lý
- Phần III. Chính trị - Xã hội
- Phần IV. Quân sự
- Phần V. Pháp chế
- Phần VI. Văn hóa - Giáo dục
- Phần VII. Tôn giáo - Tín ngưỡng - Triết học
- Phần VIII. Ngôn ngữ - Văn tự



Bản in dập trang bìa sách

TIÊN NGUYÊN TOÁT YẾU PHỔ TIẾN BIÊN

Phần IX. Văn thơ

Phần X. Tồn nghi

Bảng tra tên tác giả theo chủ đề

Bảng tra tên tác phẩm theo vần A,B,C

Bảng tra tên tác giả theo vần A,B,C".

Trong từng tên sách đều được lần lượt giới thiệu các thông tin cần có như sau:

"H.16. Đại nam chính biên liệt truyện sơ tập

Sách gồm: 33 quyển và một quyển thủ

Tổng cộng: 796 tờ

Khổ khuôn in: 22 x 35 cm

Ngôn ngữ: chữ Hán

Biên soạn: Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn xong năm Thành Thái nguyên niên (có ghi rõ tên các tác giả tham gia thực hiện biên soạn).

Nội dung: Truyện về các hậu phi, hoàng tử, công chúa và chư thần trong tôn thất nhà Nguyễn, cùng các bề tôi, bậc trung thần, liệt nữ... và truyện về các nước ngoài thời vua Gia Long (1802-1819).

Sau đó lần lượt giới thiệu các sách từ H.16/1 đến H.16/33.

"H.31. Đại Việt sử ký toàn thư

Sách gồm 18 quyển và 1 quyển thủ

Tổng cộng 330 tờ

Khổ khuôn in: 20 x 29,5 cm

Ngôn ngữ: Chữ Hán

Biên soạn:

Lê Văn Hưu

Phan Phú Tiên

Ngô Sĩ Liên

Viết tựa: Phạm Công Trứ

Quốc sử quán triều Nguyễn khắc in lại(5).

Sách thiếu nhiều, Mộc bản bị vỡ, mục, nứt, nét mờ.

Nội dung: Trình bày lịch sử Đại Việt từ khởi thủy đến đời Lê Gia Tông Mỹ Hoàng đế (1675).

Gồm hai phần: Ngoại kỷ và Bản kỷ.

"H.31/1. Quyển thủ; 17 tờ

Nội dung: Gồm Biểu (bản Đinh), Tựa (bản Ất), Tựa (bản Bính), Phàm lệ (bản Mậu), Tổng mục (bản Kỷ).

"H.31/2 Quyển 1: 6 tờ

Nội dung: Lịch sử Việt Nam từ thời Hồng Bàng (kỷ Hồng Bàng) đến An Dương Vương (kỷ An Dương Vương) thuộc ngoại kỷ.

"H.31/10. Quyển 4: 30 tờ

Nội dung: Lịch sử Việt Nam thời Lý, từ năm 1138 đến 1225 dưới các triều:

- Lý Anh Tông Hoàng đế, tại vị 37 năm.

- Lý Cao Tông Hoàng đế, tại vị 35 năm.

- Lý Huệ Tông Hoàng đế, tại vị 14 năm.

- Lý Chiêu Hoàng, tại vị 1 năm.

"H.31/11. Quyển 5: 35 tờ

Nội dung: Lịch sử Việt Nam thời Trần, từ năm 1225 đến năm 1293 dưới các triều vua:

- Trần Thái Tông (1225-1258).

- Trần Thánh Tông (1258-1278).

- Trần Nhân Tông (1279-1293).

"H.31/7. Quyển 1: 23 tờ

Nội dung: Lịch sử Việt Nam từ thời Đinh đến hết thời nhà tiền Lê (968-1009):

- Kỷ nhà Đinh, bắt đầu từ năm Mậu Thìn (968) đến hết năm Canh Thìn (980).

- Kỷ nhà tiền Lê, bắt đầu từ năm Tân Ty đến năm Kỷ Dậu (1009), 29 năm. Trải qua các triều vua: Lê Đại Hành Hoàng đế, tại vị 24 năm; Lê Trung Tông Hoàng đế; Lê Ngọa Triều Hoàng đế, tại vị 4 năm.

Cả hai triều đại nhà Đinh và nhà Lê đều đóng đô tại Hoa Lư (Ninh Bình).

"H.31/8. Quyển 2: 32 tờ

Nội dung: Lịch sử Việt Nam thời nhà Lý, khởi đầu từ năm Canh Tuất đến năm ất Dậu (1010-1225), gồm 216 năm (quyển 2,3,4). Riêng quyển 2, viết về lịch sử Việt Nam dưới hai triều vua: Lý Thái Tổ Hoàng đế, tại vị 18 năm và Lý Thái Tông Hoàng đế, tại vị 27 năm.

4. Mộc Bản là tài liệu lưu trữ quốc gia đặc biệt quý hiếm, được ghi trên vật mang tin là gỗ, hiện còn duy nhất trong nguồn sử liệu lịch sử cổ trung cận đại Việt Nam.

Căn cứ kết quả hiện có, ngành lưu trữ và các cơ quan nhà nước có chức năng liên quan, cần tiếp tục khảo sát, thu thập, bổ sung cho đầy đủ và phong phú hơn nguồn tài liệu mộc bản còn nằm rải rác ở các nơi trong nước và ngoài nước.

Các nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu những nội dung liên quan đến đề tài mình đang quan tâm thì tốt nhất là trực tiếp nghiên cứu từ các nguồn :

- Sách đã được dập bản (in) từ các tấm mộc bản và công bố trước đây.

- Sách "Mộc bản triều Nguyễn - Đề mục tổng quan" như đã nêu trên đây.

Theo chúng tôi sơ bộ khảo sát thì cả hai nguồn này, hiện nay đều khiếm khuyết và không còn đầy đủ. Sách đã dập bản (in) trước đây có thể tìm ở các lưu trữ, thư viện tại một số nước ngoài như: Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp, Hàn Quốc... Trong nước, ngoài Viện Hán Nôm, các thư viện lớn, thì trong nhân dân và trong các nhà nghiên cứu, trong các nhà chùa... hy vọng có thể tìm thêm những tên loại sách thất lạc trước đây và điều này có thể khả thi.

Nhà nghiên cứu phải biết chữ Hán và trực tiếp đọc, nghiên cứu, so sánh, đối chiếu các văn bản thì hiệu quả và chất lượng hơn là thông qua hình thức phiên dịch văn bản.

Các đồng chí Đỗ Quang Trung - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Đặng Quốc Tiến - Thứ trưởng Bộ Nội vụ đã trực tiếp đến thăm, kiểm tra khối tài liệu mộc bản và đã cho ý kiến chỉ đạo sâu sát, cụ thể về việc quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả khối tài liệu mộc bản này.

Nhà nước đã cho phép đầu tư tiến hành xây dựng kho T.IIB. 02 để Bảo hiểm tài liệu lưu trữ, trong đó có tài liệu mộc bản.

Dù hiện còn không đầy đủ, nhưng Mộc bản đúng là loại tài liệu lưu trữ đặc biệt quý hiếm trong Phòng lưu trữ quốc gia(6), cần phải tiếp tục thu thập, bổ sung, giữ gìn bảo hiểm và tổ chức nghiên cứu khai thác sử dụng có hiệu quả trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước. Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia đã ghi: "Tài liệu lưu trữ quốc gia là di sản của dân tộc, có giá trị đặc biệt đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"<sup>(7)</sup>.■

#### Ghi chú:

(1) Phan Huy Lê (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985, T.1, Tr. 274-275.

(2) Pôn Bupê: *Lưu trữ của các hoàng đế An Nam và lịch sử An Nam*, Nhà in Lê Văn Tân, 1942. Bản dịch từ tiếng Pháp, Tư liệu Cục Lưu trữ Nhà nước.

(3) *Cục Lưu trữ Nhà nước*, Đại học Huế, Trung tâm nghiên cứu Việt Nam và giao lưu văn

hóa: *Mục lục Châu bản triều Nguyễn, Tập II, Minh Mạng 6 (1825) và 7 (1826)*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1998, Tr.XI.

(4) Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán - Nôm*, Hà Nội, 1970.

(5) Xem *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1993, Tập I, Trang 39-40:

Năm 1981, G.S Phan Huy Lê trực tiếp nghiên cứu bản in "Nội các quan bản" bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* tại Thư viện Hội Á châu (Société asiatique) tại Pa-ri.

Năm 1986, bà C.Rageau, giám đốc thư viện Trường Viễn Đông bác cổ và Hội Á châu đã tặng cho Việt Nam bản chụp vi phim bộ sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, ký hiệu: PD. 2310 (1-15).

Sách in từ ván gỗ (mộc bản), khổ 17,5 x 27,5 cm, khung in khổ 14 x 20 cm, mỗi tờ hai mặt, mỗi mặt nói chung 9 dòng, mỗi dòng 19 chữ, trừ những tờ đặc biệt như *Tựa Đại Việt sử ký tục biên* của Lê Hy mỗi mặt 7 dòng, mỗi dòng 13 chữ.

Toàn bộ gồm 1.231 tờ; 16 quyển: Quyển thủ: 55 tờ và 15 quyển kể từ quyển 1 đến quyển 15.

Sách trên, Tr. 59, đã ghi:

"Bốn người trông nom việc viết và khắc là Phạm Đình Liêu, Nguyễn Thành Danh, Nguyễn Tuấn Đường và Ngô Quân Luân.

Hai người trông nom việc viết chữ là Ngô Đức Thắng và Lê Sĩ Huân.

Bốn người viết chữ là Cao Đăng Triều, Đỗ Công Liêm, Đặng Hữu Phi và Nguyễn Hữu Đức.

Thợ khắc in là người xã Hồng Lục, Liễu Chàng, nay thuộc huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Đó là làng thủ công cổ truyền nổi tiếng về nghề khắc mộc bản".

Sách được khắc in Mộc bản vào năm Chính Hòa 18, năm 1697.

(6), (7) *Pháp lệnh Lưu trữ Quốc gia*, Chủ tịch nước công bố tại Lệnh số 03/2001/L-CTN ngày 15/4/2001 "1. "Phòng Lưu trữ quốc gia Việt Nam Việt Nam" là toàn bộ tài liệu lưu trữ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không phân biệt thời gian, xuất xứ, chế độ xã hội, nơi bảo quản, kỹ thuật làm ra tài liệu đó.

Phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam bao gồm Phòng lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam và Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam".